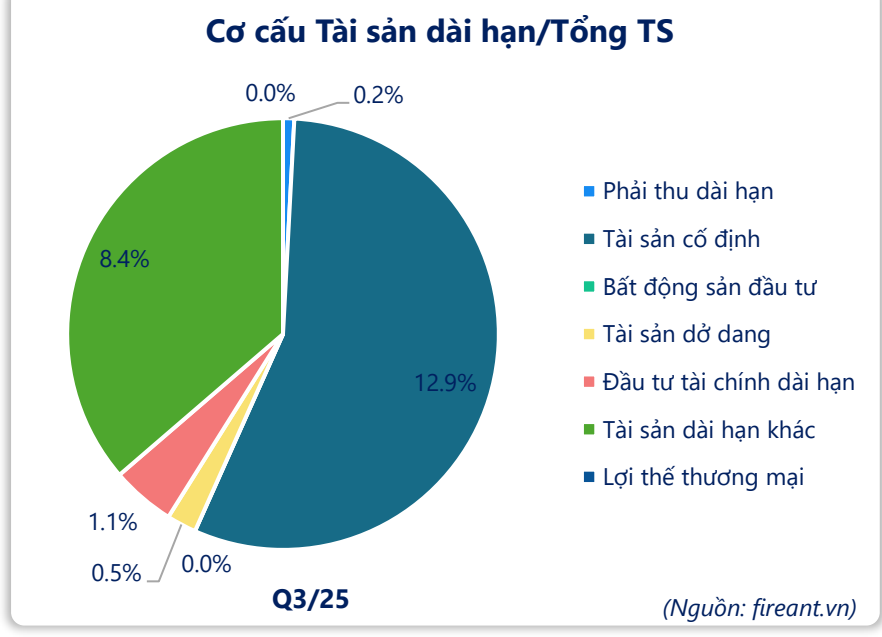
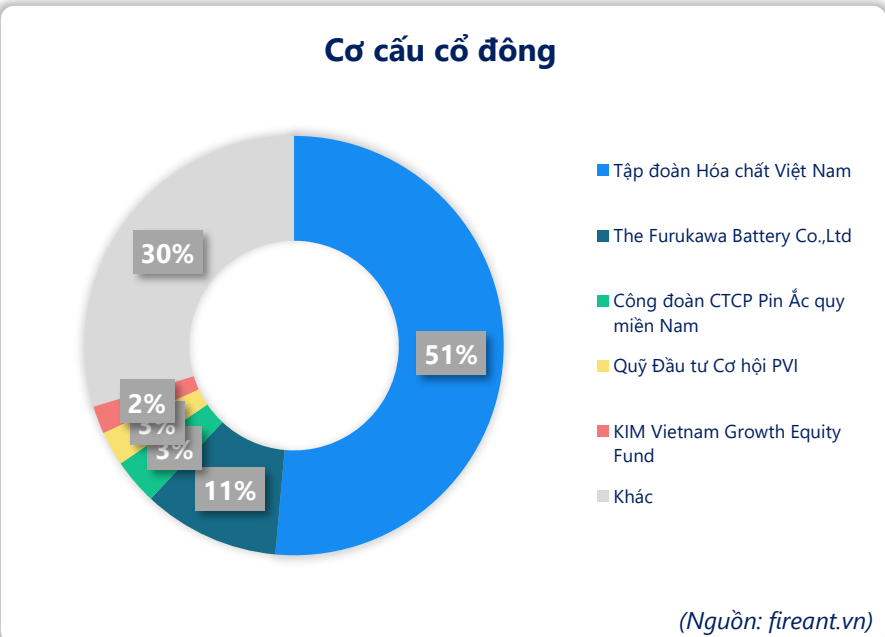
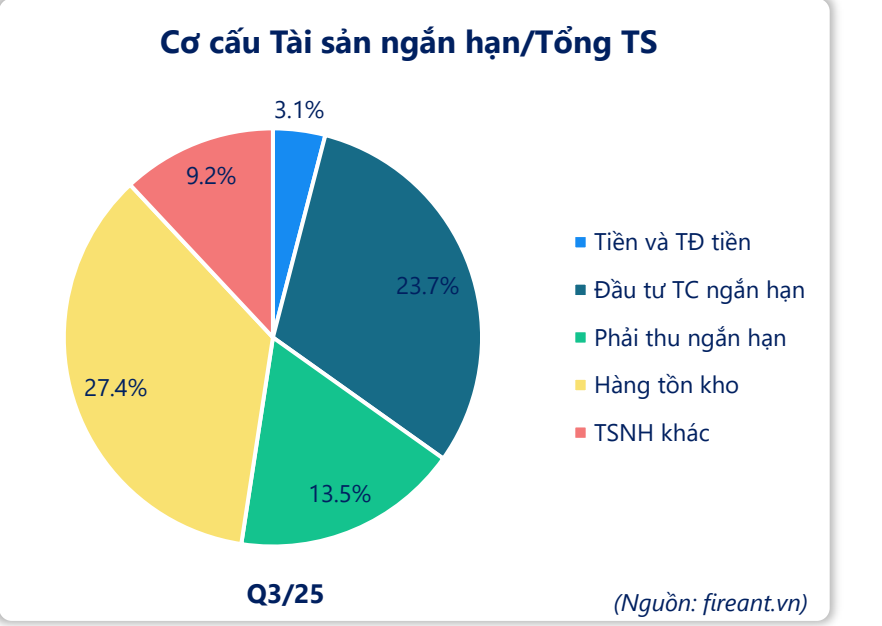
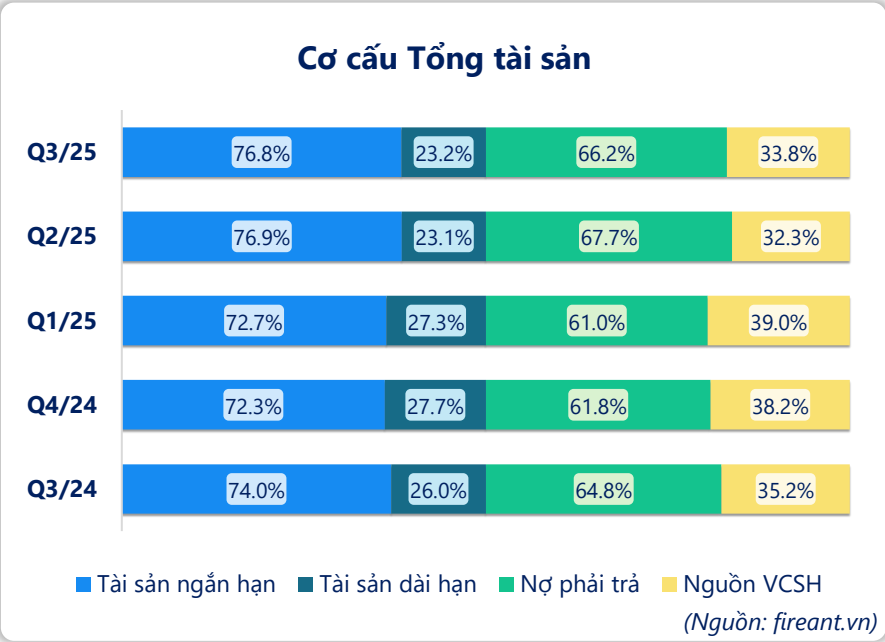
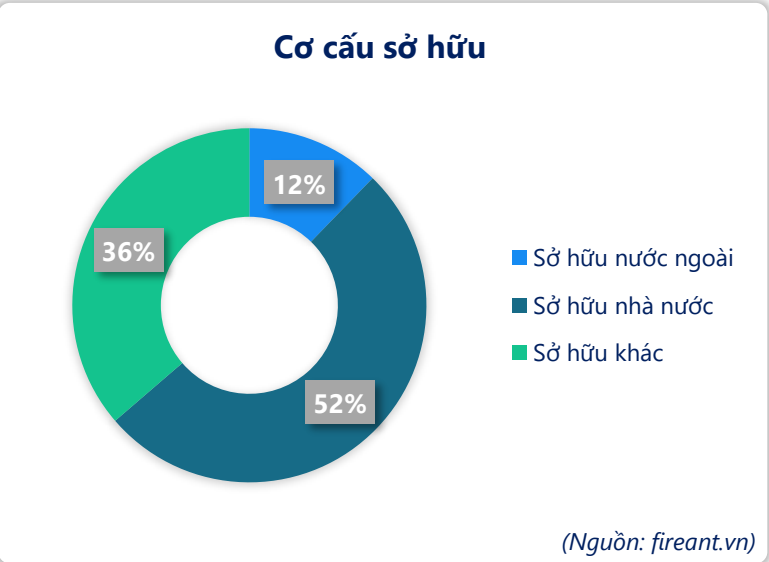
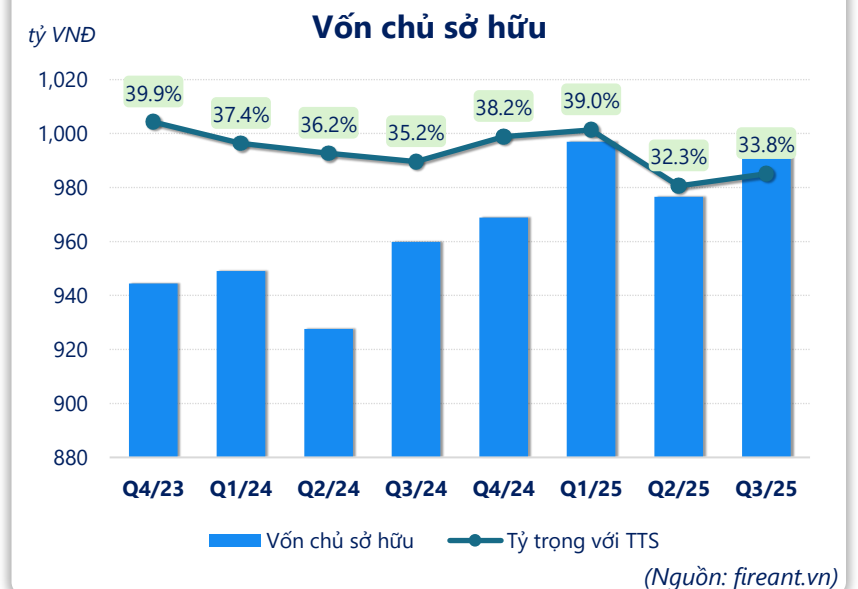
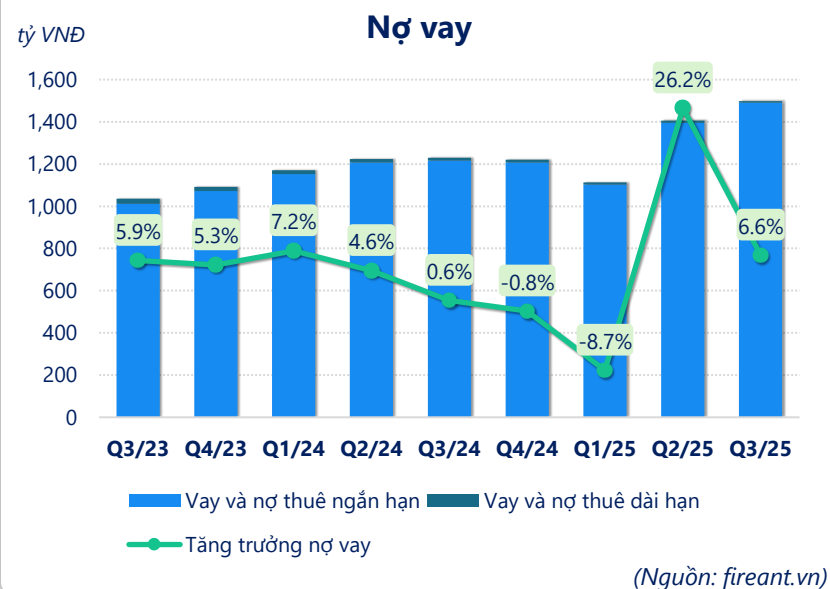
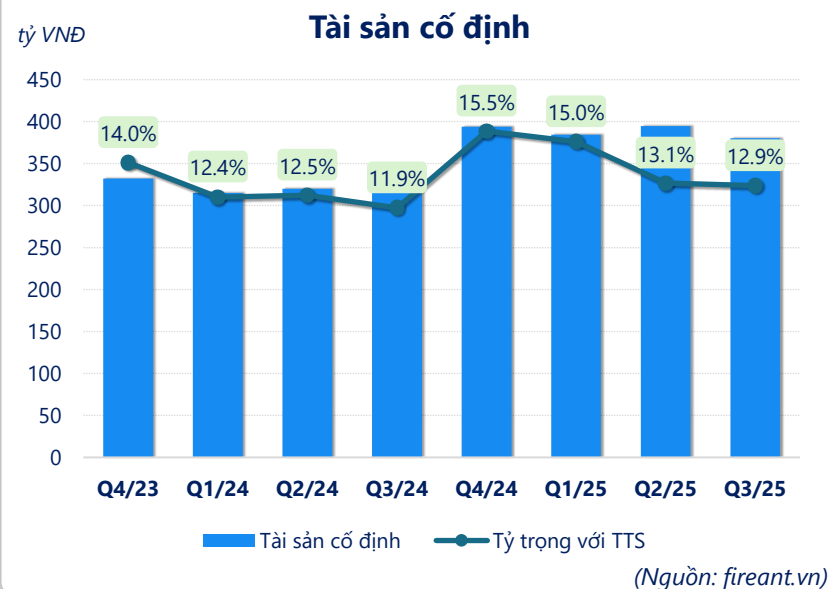
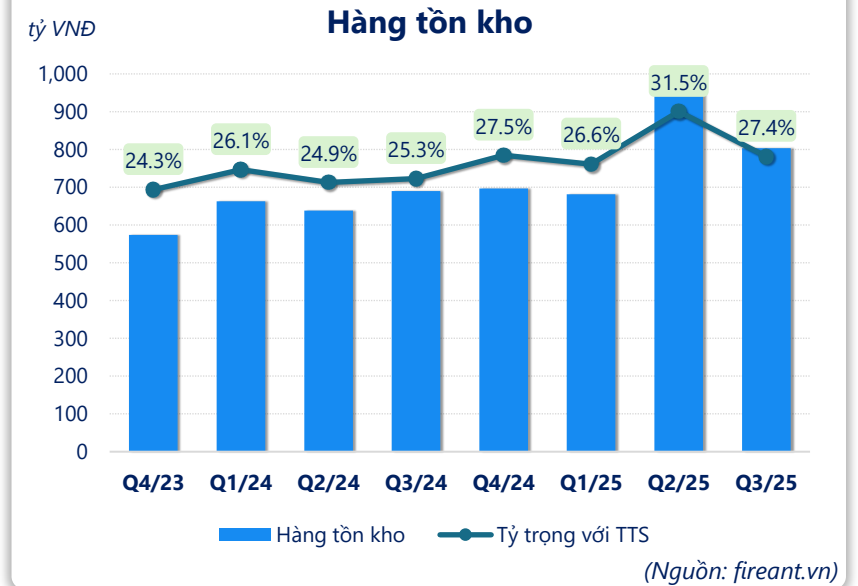
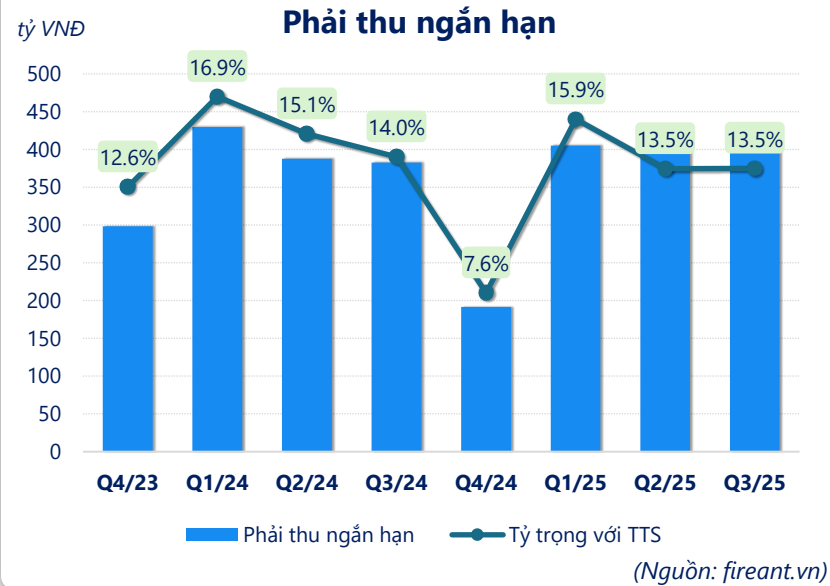
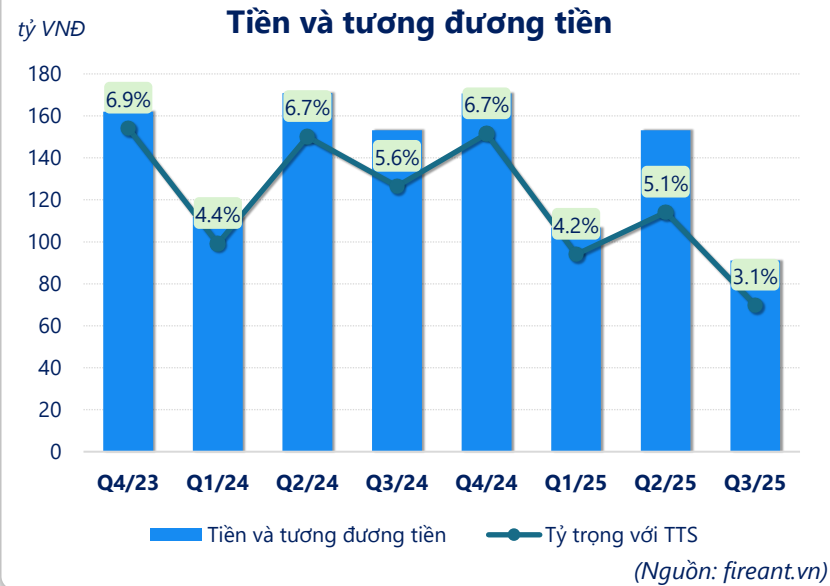
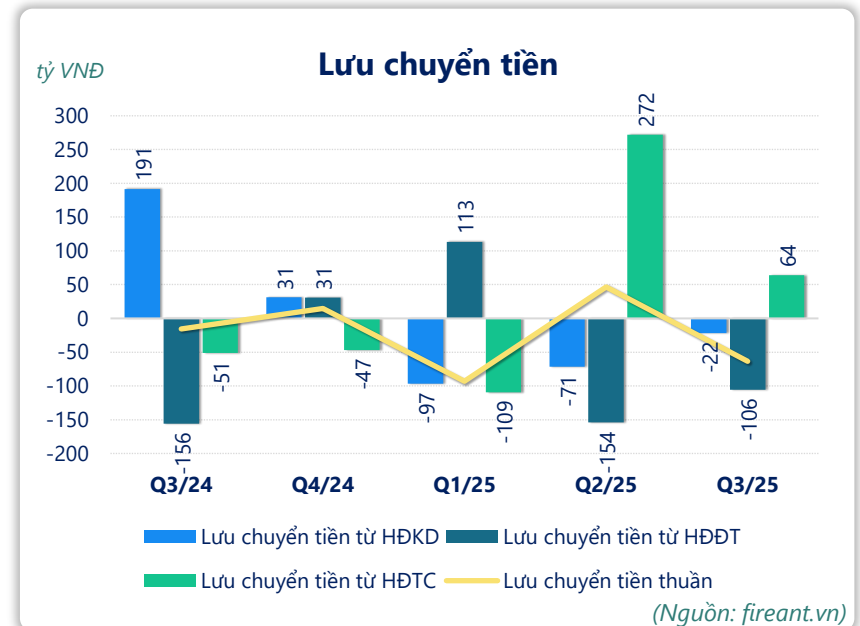
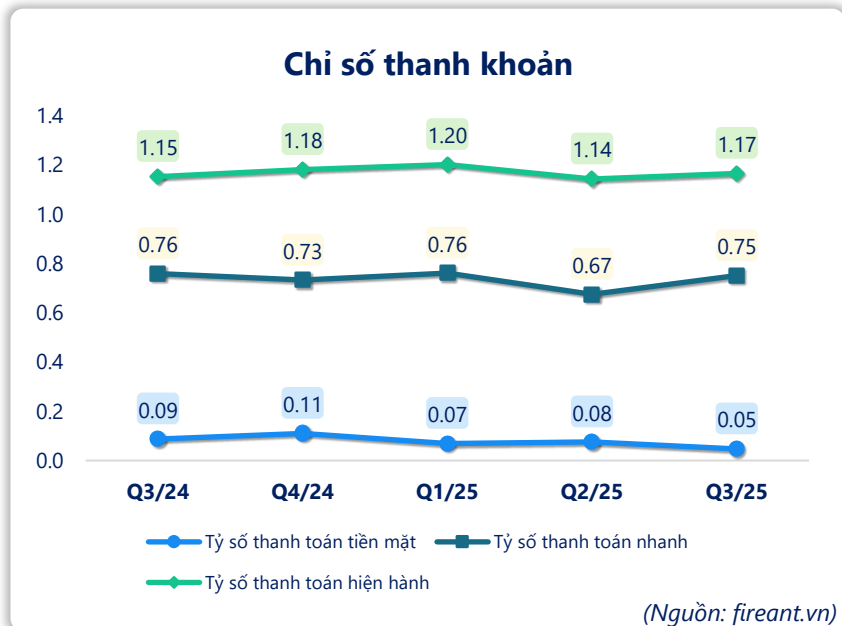
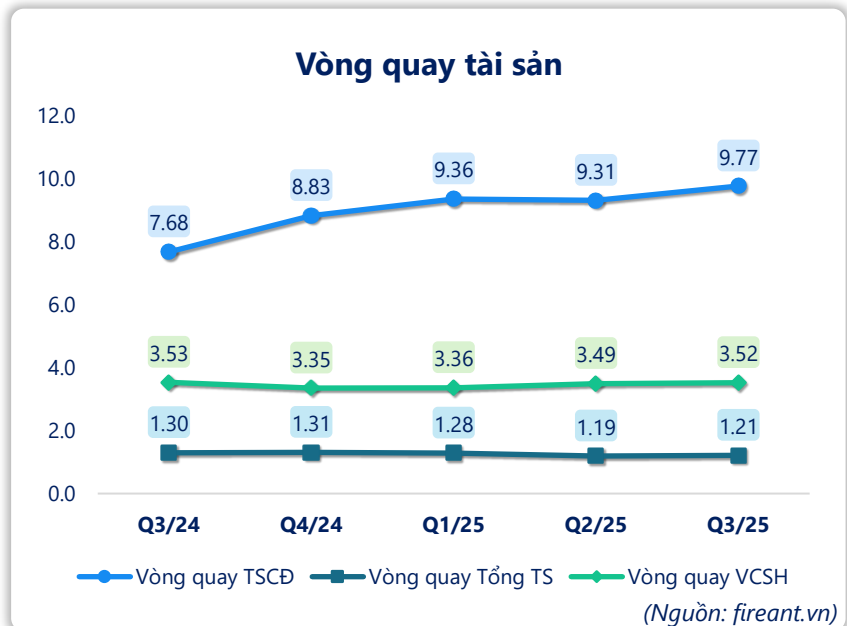
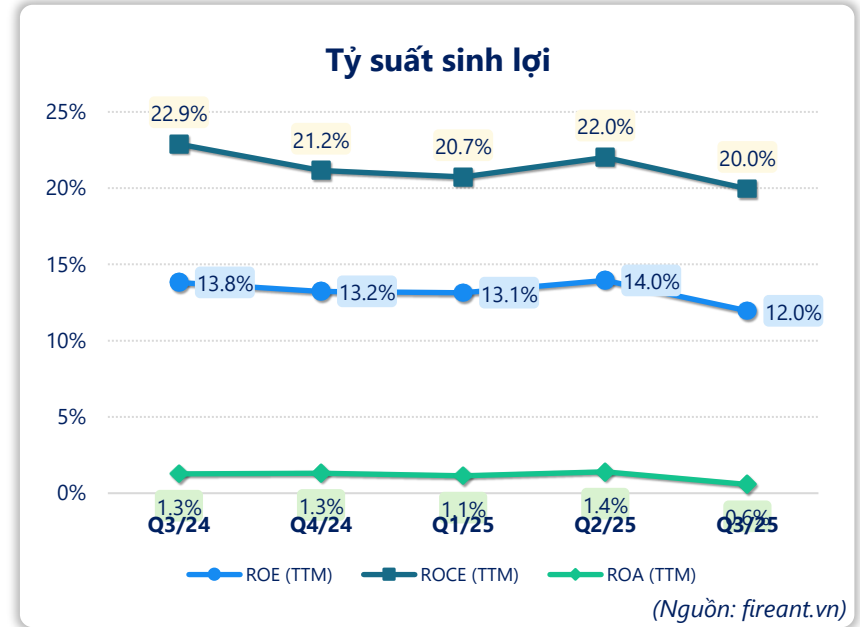
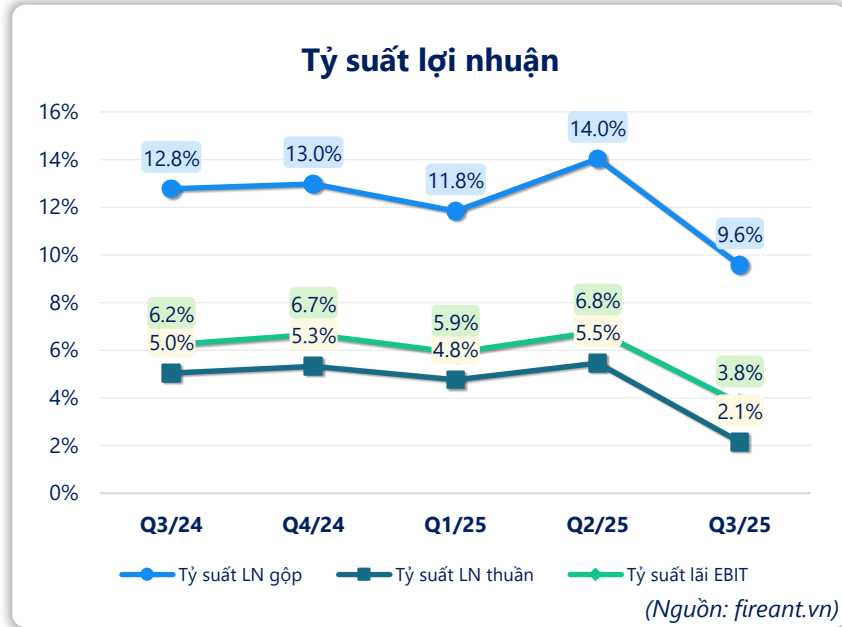
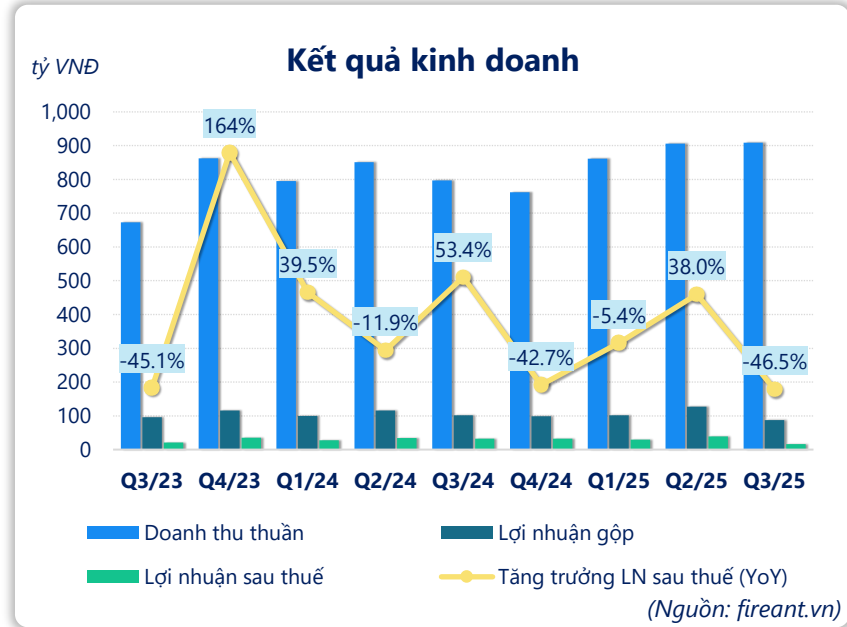


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		34,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,128
SL cổ phiếu LH		69,707,328
KLGD BQ 20 phiên (CP)		389,110
% sở hữu nước ngoài		12.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,757
P/E		15.0
EPS		1,675

	YTD	1T	3T	6T
PAC	-12.7%	-9.7%	7.2%	5.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,937	2,535	15.9%
Tài sản ngắn hạn	2,256	1,832	23.2%
Tiền và tương đương tiền	91.1	201	-54.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	695	555	25.2%
Phải thu ngắn hạn	397	192	107%
Hàng tồn kho	804	696	15.4%
Tài sản ngắn hạn khác	270	189	43.2%
Tài sản dài hạn	681	703	-3.1%
Phải thu dài hạn	5.72	5.84	-2.1%
Tài sản cố định	380	394	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	15.1	20.6	-26.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	32.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	247	250	-0.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,944	1,566	24.2%
Nợ ngắn hạn	1,935	1,551	24.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,490	1,207	23.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	197	117	68.1%
Nợ dài hạn	9.62	15.0	-36.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.21	13.1	-37.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	993	969	2.5%
Vốn chủ sở hữu	993	969	2.5%
Vốn điều lệ	697	465	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	797	762	862	906	909
Giá vốn hàng bán	695	663	760	779	822
Lợi nhuận gộp	102	98.9	102	127	86.9
Doanh thu HĐTC	14.2	7.91	10.6	10.2	10.8
Chi phí TC	9.09	17.9	13.3	17.4	15.4
Chi phí lãi vay	9.29	10.2	9.80	11.5	13.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	50.5	31.9	43.0	47.2	47.5
Chi phí QLDN	16.1	16.4	15.3	23.3	15.3
LN thuần từ HĐKD	40.2	40.6	41.0	49.5	19.5
Lợi nhuận khác	0.15	-0.01	0.12	0.51	1.05
LN trước thuế	40.4	40.6	41.1	50.0	20.6
Lợi nhuận sau thuế	32.3	32.3	29.1	39.1	16.2
LNST của CĐ cty mẹ	32.3	32.3	29.1	39.1	16.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	191	31.1	-96.7	-71.3	-21.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-156	30.6	113	-154	-106
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-51.1	-47.0	-109	272	64.0
Tiền đầu kỳ	171	153	201	107	153
Lưu chuyển tiền thuần	-15.6	14.7	-93.0	46.5	-63.3
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.15	2.76	-0.79	-0.12	1.27
Tiền cuối kỳ	153	171	107	153	91.1

(Nguồn: fireant.vn)